

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 17/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	7,006,123,000	3,994,226,116	57%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	376,000,000	12,450,301	3%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	948,000,000	537,328,933	57%
3	Thu bổ sung	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Bổ sung cân đối	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Bổ sung có mục tiêu	-		
	- Thu dự phòng			
4	Thu chuyển nguồn		744,446,882	
5	Các khoản thu từ tiền đất	750,000,000		0%
II	TỔNG SỐ CHI	7,006,132,000	2,862,361,000	41%
1	Chi đầu tư phát triển	750,000,000		0%
2	Chi thường xuyên	6,166,532,000	2,862,361,000	46%
3	Chi dự phòng	89,600,000		0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 17/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN THU NSX NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG THU	7,006,123,000	3,994,226,116	57%
I	Các khoản thu 100%	376,000,000	12,450,301	3%
	Thu phí, lệ phí	25,000,000	6,226,000	25%
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	285,000,000		0%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-		
	Thu khác	66,000,000	6,224,301	9%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,698,000,000	537,328,933	32%
1	Các khoản thu phân chia	192,000,000	70,045,010	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	107,000,000	1,167,560	1%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	45,000,000	42,200,000	94%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000,000	26,677,450	67%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,506,000,000	467,283,923	31%
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ KD	276,000,000	169,810,063	62%
	- Thuế GTGT	480,000,000	297,473,860	62%
	- Thu tiền sử dụng đất	750,000,000		0%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-		
IV	Thu chuyển nguồn		744,446,882	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-		
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương			
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Thu bổ sung cân đối	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-		
	- Thu dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 17/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG	ĐẦU TƯ PT	TX
A	B	1=2+3	2	3	3=4+5	4	5	6=3/1	7=4/2	8=5/3
	TỔNG CHI	7,006,132,000	750,000,000	6,256,132,000	2,862,361,000		2,862,361,000	41%		46%
	Trong đó				-					
1	Chi giáo dục	750,000,000	750,000,000		-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	40,000,000		40,000,000	-					0%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	35,000,000		35,000,000	11,000,000		11,000,000	31%		31%
6	Chi thể dục thể thao	-			-					
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	85,000,000		85,000,000	12,000,000		12,000,000			14%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5,476,507,000		5,476,507,000	2,637,081,000		2,637,081,000	48%		48%
10	Chi hoạt động của các đoàn thể	-			-					
11	Chi cho công tác xã hội	492,560,000		492,560,000	191,280,000		191,280,000	39%		39%
12	Chi khác	37,465,000		37,465,000	11,000,000		11,000,000	29%		29%
13	Chi trả nợ đầu tư phát triển khác	-			-					
14	Dự phòng ngân sách	89,600,000		89,600,000	-			0%		0%